

Công ty CP Trang trí đá Vĩnh Cửu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ	8
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc công ty CP Trang trí đá Vĩnh Cửu trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc của công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Vui	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31/07/2006
Ông Huỳnh Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/07/2006 Miễn nhiệm ngày 29/04/2009
Ông Võ Văn Nhiếp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/02/2007 Miễn nhiệm ngày 29/04/2009
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/05/2008 Miễn nhiệm ngày 01/07/2008
Bà Khương Thị Khanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/07/2006 Miễn nhiệm ngày 29/04/2009
Ông Nguyễn Thanh Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2009
Ông Kurose Mikio	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2009
Ông Cao Quang Chánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2009
Ông Nguyễn Văn Bức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2009

Ban Giám Đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Vui	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 31/07/2006 Miễn nhiệm ngày 09/09/2009
Ông Trần Hải Bình	Quyển Tổng GD	Bổ nhiệm ngày 09/09/2009
Ông Nguyễn Văn Bức	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/07/2006
Ông Lê Văn Bình	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/05/2008 Miễn nhiệm ngày 01/07/2008
Ông Nguyễn Minh Kim	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/06/2008 Miễn nhiệm ngày 15/08/2008
Ông Trần Hoàng Vũ	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2008 Miễn nhiệm ngày 03/04/2009
Ông Nguyễn Văn Tú	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/09/2009
Bà Lê Ngọc Kim Chi	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 21/12/2007 Miễn nhiệm ngày 30/04/2008
Ông Hoàng Chức	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 02/05/2008 Miễn nhiệm ngày 18/05/2008
Ông Trần Thanh Nghị	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 18/05/2008 Miễn nhiệm ngày 10/11/2008
Bà Nguyễn Thị Mai	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 11/12/2008 Miễn nhiệm ngày 14/05/2009
Bà Đặng Trần Phương Thảo	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/06/2009 Miễn nhiệm ngày 01/10/2009
Bà Phan Thị Đáp	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/10/2009 Miễn nhiệm ngày 22/12/2009
Ông Nguyễn Thái Bình	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 22/12/2009

Hoạt động chính của Công ty

Sản xuất vật liệu xây dựng bằng xi măng và thạch cao phục vụ cho trang trí nội thất.

Thi công mỹ thuật, mua bán hàng trang trí nội, ngoại thất

Thi công trang trí nội thất, ngoại thất, sân vườn, công viên, khu vui chơi;

Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, khu CN, giao thông.

Kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm 2008	Năm 2007
- Doanh thu thuần	27.515.815.544	15.553.087.866
- Lãi (Lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(4.813.286.906)	1.608.488.768

Lợi ích của các thành viên Ban Giám Đốc

Không có thành viên Ban Giám đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban Giám đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thỏa thuận nào đó được lập bởi công ty CP Trang trí đá Vĩnh Cửu, các công ty có liên quan đến ban giám đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc công ty, đến kết quả hoạt động của công ty trong năm tài chính hiện hành.

Cam kết của Ban Giám đốc

Chúng tôi khẳng định rằng báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi cam kết rằng, công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

Kiểm toán độc lập

Công ty Kiểm Toán Mỹ (AA) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2008

Ngày 25 tháng 03 năm 2010

Thay mặt Ban Giám Đốc



Tổng Giám Đốc

Trần Hải Bình

Số : 2010427001

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008 CỦA CÔNG TY
CP TRANG TRÍ ĐÁ VĨNH CỬU

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị - Ban Giám Đốc
Công ty CP Trang trí đá Vĩnh Cửu

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 5 đến trang 20.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo đúng các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các xét đoán và ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Công ty không thực hiện lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền: 1.345.750.515 VND. Điều này làm cho chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (mã số 50) trên biểu Báo cáo kết quả kinh doanh tăng lên 1.345.750.515 VND và các chỉ tiêu "Dự phòng phải thu khó đòi" (mã số 139), chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 420) trên bảng cân đối kế toán lần lượt giảm đi và tăng lên một khoản tương ứng.

Chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2008 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bố nhiệm thực hiện kiểm toán. Với những tài liệu hiện có tại công ty, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về khoản mục này bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Trang trí đá Vinh Cửu tại ngày 31/12/2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẠI BIÊN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AA)



LÊ VĂN THANH

Tổng Giám Đốc

Kiểm Toán Viên Việt Nam

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0357/KTV

Ngày 17/04/2010

NGUYỄN PHƯƠNG LAN ANH

Giám Đốc

Kiểm Toán Viên Việt Nam

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0673/KTV

American Auditing (AA) thành lập tại Việt Nam năm 2001 được chấp thuận kiểm toán, xác định giá trị doanh nghiệp cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổng công ty nhà nước, tập đoàn nước ngoài ...theo Quyết định số 1938/QĐ-BTC của Bộ Tài chính Việt Nam, Quyết định số 932/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Quyết định số 848/VACPA của Hội kiểm toán viên Việt Nam.

Công ty CP Trang trí đá Vĩnh Cửu

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.973.975.510	25.536.284.150
Tiền & các khoản tương đương tiền	110		177.185.718	1.118.765.885
Tiền	111	V.1	177.185.718	1.118.765.885
Các khoản phải thu	130	V.2	7.878.491.972	6.583.385.230
Phải thu của khách hàng	131		3.713.421.504	1.943.157.783
Trả trước cho người bán	132		1.098.199.056	1.328.368.518
Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		-	399.617.500
Các khoản phải thu khác	135		3.066.871.412	2.912.241.429
Hàng tồn kho	140		10.863.540.641	10.476.450.091
Hàng tồn kho	141	V.3	10.863.540.641	10.476.450.091
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.054.757.179	7.357.682.944
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	1.200.473.555
Thuế GTGT được khấu trừ	152		633.981.628	1.269.385.965
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	73.298.796
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	2.420.775.551	4.814.524.628
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.085.305.750	38.030.938.959
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		35.541.735.901	35.860.048.367
TSCĐ hữu hình	221	V.5	17.672.339.826	18.055.928.152
Nguyên giá	222		22.189.812.504	21.001.834.404
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.517.472.678)	(2.945.906.252)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	311.770.333
Nguyên giá	225		-	542.584.700
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(230.814.367)
TSCĐ vô hình	227	V.6	13.576.706.565	13.616.715.501
Nguyên giá	228		13.655.434.052	13.655.434.052
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(78.727.487)	(38.718.551)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	4.292.689.510	3.875.634.381
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		1.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		4.543.569.849	2.170.890.592
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	4.531.569.849	2.158.890.592
Tài sản dài hạn khác	268		12.000.000	12.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		63.059.281.260	63.567.223.109

Công ty CP Trang trí đá Vĩnh Cửu

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		27.689.440.020	22.110.526.936
Nợ ngắn hạn	310		24.045.620.945	16.311.925.622
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	19.129.820.000	12.532.000.000
Phải trả cho người bán	312	V.10	1.616.866.201	2.089.002.340
Người mua trả tiền trước	313	V.11	1.172.601.056	665.441.846
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	52.809.669	105.491.722
Phải trả công nhân viên	315		714.118.874	431.869.627
Phải trả nội bộ	317		-	18.133.714
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.13	1.359.405.145	469.986.373
Nợ dài hạn	330		3.643.819.075	5.798.601.314
Vay và nợ dài hạn	334	V.14	3.643.819.075	5.824.303.298
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	(25.701.984)
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.15	35.369.841.240	41.456.696.173
Vốn chủ sở hữu	410		35.512.153.552	41.456.696.173
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		219.172.992	219.172.992
Quỹ đầu tư phát triển	417		78.456.859	78.456.859
Quỹ dự phòng tài chính	418		27.810.607	27.810.607
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(4.813.286.906)	1.131.255.715
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(142.312.312)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		63.059.281.260	63.567.223.109

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Nợ khó đòi đã xử lý				
Ngoại tệ các loại (USD)				

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 03 năm 2010



 Kế toán trưởng
Nguyễn Hải Bình



 Tổng Giám đốc
Trần Hải Bình

Công ty CP Trang trí đá Vĩnh Cửu

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	28.841.009.752	16.169.781.244
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(10.878.267.190)	(1.460.816.722)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.973.109.908)	(4.458.632.257)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.802.347.230)	(636.624.232)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(46.319.981)	(146.578.194)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.873.499.688	23.763.520.891
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.796.774.388)	(24.801.406.466)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	(4.782.309.257)	8.429.244.264
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác.	21	(112.720.000)	(573.983.620)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	(2.000.000)	736.675.856
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	23.907.848
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.114.720.000)	186.600.084
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	23.365.192.154	15.083.782.798
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(17.576.764.132)	(18.997.782.798)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(74.044.104)	(79.578.685)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(758.934.828)	(13.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.955.449.090	(4.006.658.685)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(941.580.167)	4.609.185.663
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.118.765.885	199.197.936
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	177.185.718	1.118.765.885

Kế Toán Trưởng
Vương Hải Bình



Ngày 25 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc

Trần Hải Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty CP Trang trí đá Vinh Cửu được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ TNHH sang cổ phần từ ngày 31/07/2006 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005080 cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/07/2006.

Trụ sở công ty đặt tại: 319 Xa lộ Hà Nội, phường An Phú, Q2, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất vật liệu xây dựng bằng xi măng và thạch cao phục vụ cho trang trí nội thất.

Thi công mỹ thuật, mua bán hàng trang trí nội, ngoại thất

Thi công trang trí nội thất, ngoại thất, sân vườn, công viên, khu vui chơi;

Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, khu CN, giao thông.

Vốn điều lệ : 40.000.000.000 VND

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIẾN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng: Doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình

thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

a. Nguyên tắc ghi nhận

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa điều kiện trên được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

b. Khấu hao

Không thực hiện khấu hao đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian

quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05
Phần mềm kế toán	05

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính:

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính bao gồm giá trị hợp lý của tài sản thuê và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu thì ghi theo giá trị hiện tại.

Giá trị hợp lý: là giá trị tài sản có thể được trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ sự hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài chính được tính căn cứ vào tỷ lệ lãi

suất ngầm định hoặc tỷ lệ lãi suất được ghi trong hợp đồng thuê hoặc tỷ lệ lãi suất biên đi vay của bên thuê.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính:

Áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của công ty.

5. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 1 năm trở lên doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng chưa thu được nợ và các khoản nợ dưới 1 năm nhưng con nợ có dấu hiệu không trả được nợ. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Trong kỳ đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác:

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

Các bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2008	31/12/2007
Tiền mặt tại quỹ	100.278.238	263.073.492
Tiền gửi ngân hàng	76.907.480	855.692.393
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	177.185.718	1.118.765.885

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

a. Phải thu khách hàng

	31/12/2008	31/12/2007
Khách hàng trong nước	1.743.045.802	1.141.104.895
Khách hàng nước ngoài	545.645.537	380.374.977
Khách hàng của dịch vụ thiết kế, xây dựng	1.424.730.165	421.677.911
Tổng cộng	3.713.421.504	1.943.157.783

b. Trả trước cho nhà cung cấp

	31/12/2008	31/12/2007
Khách hàng trong nước	828.261.756	1.032.893.082
Khách hàng nước ngoài	-	2.517.179
Khách hàng của dịch vụ thiết kế, xây dựng	269.937.300	292.958.257
Tổng cộng	1.098.199.056	1.328.368.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

c. Các khoản phải thu khác

	31/12/2008	31/12/2007
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	10.341.000
Phải thu về cổ phần hóa	-	306.000.000
Phải thu khác	3.066.871.412	2.595.900.429
Tổng cộng	3.066.871.412	2.912.241.429

3. Hàng tồn kho

	31/12/2008	31/12/2007
Hàng mua đang đi trên đường	-	3.675.000
Nguyên liệu, vật liệu	865.441.940	727.552.122
Công cụ, dụng cụ	1.204.466.618	1.195.217.974
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.267.519.775	3.263.437.960
Thành phẩm	5.451.577.259	3.927.385.312
Hàng hoá	579.472.998	1.185.804.888
Hàng gửi đi bán	495.062.051	173.376.835
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	10.863.540.641	10.476.450.091

4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2008	31/12/2007
Tạm ứng	2.237.775.551	1.127.297.088
Ký quỹ ký cược ngắn hạn(*)	183.000.000	3.687.227.540
Tổng cộng	2.420.775.551	4.814.524.628

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	11.852.150.379	6.004.247.271	2.408.729.758	736.706.996	21.001.834.404
Tăng trong kỳ	29.866.500	246.100.000	1.412.346.345	233.944.588	1.922.257.433
Mua trong kỳ	29.866.500	246.100.000	1.412.346.345	233.944.588	1.922.257.433
Đầu tư XDCB					-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	719.590.000	14.689.333	734.279.333
Chuyển sang					
BDS DT	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	719.590.000	14.689.333	734.279.333
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.882.016.879	6.250.347.271	3.101.486.103	955.962.251	22.189.812.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm	1.288.462.697	1.047.719.557	303.486.892	306.237.106	2.945.906.252
Tăng trong kỳ	363.213.390	823.042.780	418.032.579	230.922.850	1.835.211.599
Khấu hao	363.213.390	823.042.780	418.032.579	230.922.850	1.835.211.599
Tăng khác					
Giảm trong kỳ	-	-	261.196.949	2.448.224	263.645.173
Chuyển sang					
BĐSDT					
Thanh lý	-	-	261.196.949,00	2.448.224	263.645.173
Giảm khác					
Số dư cuối năm	1.651.676.087	1.870.762.337	460.322.522	534.711.732	4.517.472.678

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	10.563.687.682	4.956.527.714	2.105.242.866	430.469.890	18.055.928.152
Số cuối kỳ	10.230.340.792	4.379.584.934	2.641.163.581	421.250.519	17.672.339.826

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay: 552.229.727

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	13.375.124.000	280.310.052	280.310.052
Tăng trong kỳ		-	-
Mua trong kỳ		-	-
Tạo ra từ nội bộ DN		-	-
Tăng khác		-	-
Giảm trong kỳ		-	-
Thanh lý, nhượng bán		-	-
Giảm khác		-	-
Số dư cuối năm	13.375.124.000	280.310.052	13.655.434.052
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm		38.718.551	38.718.551
Tăng trong kỳ		40.008.936	40.008.936
Giảm trong kỳ		-	-
Thanh lý, nhượng bán		-	-
Giảm khác		-	-
Số dư cuối năm		78.727.487	78.727.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	13.375.124.000	241.591.501	13.616.715.501
Số cuối kỳ	13.375.124.000	201.582.565	13.576.706.565

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 13.375.124.000.

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008	31/12/2007
+ Mua sắm tài sản cố định	121.000.000	185.287.277
+ Xây dựng cơ bản	4.171.689.510	3.690.347.104
Tổng cộng	4.292.689.510	3.875.634.381

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2008	31/12/2007
Chi phí trước hoạt động		
Công cụ, dụng cụ	4.531.569.849	2.158.890.592
Cộng	4.531.569.849	2.158.890.592

9. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2008	31/12/2007
Ngân hàng Công thương Đồng Nai	4.000.000.000	500.000.000
Ngân hàng Quốc tế VIB	3.165.000.000	3.532.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Vay cá nhân	11.964.820.000	8.500.000.000
Tổng cộng	19.129.820.000	12.532.000.000

10. Phải trả người bán

	31/12/2008	31/12/2007
Người bán trong nước	1.395.078.728	1.360.518.107
Người bán nước ngoài	-	634.898.233
Người bán cho dịch vụ thiết kế, thi công	221.787.473	93.586.000
Tổng cộng	1.616.866.201	2.089.002.340

11. Người mua trả trước.

	31/12/2008	31/12/2007
Khách hàng trong nước	326.619.349	97.090.766
Khách hàng nước ngoài	130.102.913	87.658.786
Khách hàng của dịch vụ thiết kế, xây dựng	715.878.794	480.692.294
Tổng cộng	1.172.601.056	665.441.846



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	31/12/2008	31/12/2007
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.057.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp		104.434.325
Thuế thu nhập cá nhân	52.809.669	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-
Tổng cộng	52.809.669	105.491.722

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2008	31/12/2007
Tài sản thừa chờ xử lý	41.925.088	41.925.088
Kinh phí công đoàn	130.233.381	2.171.840
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	228.403.543	35.463.371
Phải trả cổ phần hóa	670.537.673	
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn		
Doanh thu chưa thực hiện		
Các khoản phải trả phải nộp khác	288.305.460	390.426.074
Tổng cộng	1.359.405.145	469.986.373

14. Các khoản vay và nợ dài hạn

	31/12/2008	31/12/2007
Ngân hàng quốc tế VIB	3.273.819.075	5.773.819.075
Nợ thuê xe tài chính	-	50.484.223
Ngân hàng Techcombank	370.000.000	-
Tổng cộng	3.643.819.075	5.824.303.298

15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm	40.000.000.000	1.131.255.715	325.440.458	41.456.696.173
Tăng vốn trong năm				-
Lợi nhuận tăng trong năm				-
Tăng khác				-
Giảm vốn trong năm				-
Lỗi trong năm		(4.813.286.906)		(4.813.286.906)
Giảm khác		(1.131.255.715)	(142.312.312)	(1.273.568.027)
Số dư cuối năm	40.000.000.000	(4.813.286.906)	183.128.146	35.369.841.240

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.131.255.715

330
CÔNG
CỔ
LIÊN
3-7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cổ tức

	31/12/2008	31/12/2007
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2008	31/12/2007
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	982.784.208	907.945.868
Doanh thu bán thành phẩm	13.239.778.361	11.915.599.552
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.605.738	-
Doanh thu thiết kế, thi công	13.396.988.671	2.936.188.450
Tổng cộng	27.666.156.978	15.759.733.870

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	8.042.600	-
Giảm giá hàng bán	1.460.123	-
Hàng bán bị trả lại	140.838.711	206.646.004
Thuế GTGT phải nộp (Phương pháp trực tiếp)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất khẩu	-	-
Tổng cộng	150.341.434	206.646.004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	798.255.700	552.386.267
Giá vốn của thành phẩm đã bán	9.460.599.282	5.935.913.007
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.660.033	
Giá vốn thiết kế, thi công	8.293.795.796	1.164.114.762
Tổng cộng	18.596.310.811	7.652.414.036

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.894.841	7.827.369
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi bán ngoại tệ		
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	138.790.951	4.115.499
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	16.080.479
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Tổng cộng	144.685.792	28.023.347

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	3.680.179.052	540.839.076
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
Lỗ bán ngoại tệ		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.035.950	26.435.540
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Chi phí tài chính khác	-	95.892.826
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Tổng cộng	3.706.215.002	663.167.442

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.139.444.943	878.379.794
Chi phí vật liệu, nhiên liệu	318.472.290	513.002.225
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	85.292.034	65.317.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.763.391	224.582.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.134.385.872	300.506.956
Chi phí bằng tiền khác	421.196.066	963.986.188
Tổng cộng	4.298.554.596	2.945.774.692



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7. Chi phí quản lý

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.647.550.158	1.114.622.531
Chi phí vật liệu, nhiên liệu	28.588.170	80.788.449
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	679.597.295	55.159.635
Chi phí khấu hao tài sản cố định	415.146.516	165.102.407
Thuế, phí và lệ phí	79.128.475	24.410.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	569.328.711	503.525.557
Chi phí bằng tiền khác	2.358.841.119	722.697.658
Chi phí quản lý thiết kế, xây dựng	-	783.087.618
Tổng cộng	5.778.180.444	3.449.393.897

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	215.161.357	-
Thu nhập khác	298.727.273	772.041.203
Tổng cộng	513.888.630	772.041.203

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCD	381.158.160	-
Chi phí thuế thu nhập năm 2007	13.329.225	-
Chi phí khác	213.928.634	33.913.581
Tổng cộng	608.416.019	33.913.581

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.813.286.906)	1.608.488.768
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.102.989.266	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.710.297.640)	1.608.488.768
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	217.958.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% theo giấy phép	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% quý 4/2008 theo Nghị Quyết CP 30/2008	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	217.958.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.932.805.438	3.778.668.295
Chi phí nhân công	2.451.429.735	1.552.520.270
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.029.496.261	1.208.195.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	6.192.292.487	7.508.198.511
Tổng cộng	18.606.023.921	14.047.582.625

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	65,15%	59,83%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	34,85%	40,17%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	43,91%	34,78%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	56,09%	65,22%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	2,28	2,87
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0,91	1,57
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,007	0,07
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-17,49%	10,34%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-17,49%	8,94%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-7,63%	2,53%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-7,63%	2,19%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	-13,61%	3,35%



 Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Bình



Trần Hải Bình

Ngày 25 tháng 03 năm 2010

ideas Solutions Results

American Auditing is the leading professional services firm that delivers the value clients care about.

We bring our clients the ideas they need to make the most informed decisions. We explore alternatives and identify the best solutions. We help our clients achieve results that make them more competitive, improve their profitability, and increase stakeholder value.

OFFICES IN VIETNAM

- The Southern Area
58 Nguyen Phi Khanh St., Dist.1, Ho Chi Minh City
- The Northern Area
A12, Block X1, Lien Co Quan Zone, Urban Area My Dinh I, Tu Liem, Ha Noi Capital
- The Western Area
81 Chau Van Liem St, An Lac Ward, Ninh Kieu Dict, Can Tho City
- The Centre Area
Floor 5th, Indochina Riversite Tower, 74 Bach Dang St, Hai Chau Dist., Da Nang City

HOT LINE

- Office : (84-8) 38 208 062
- Mobile phone: (84-8) 90 3 699 894

FUTHER INFORMATION

- Email : americanauditing@hcm.vnn.vn
- Website: www.americanauditing.com